

Số: /GPMT-UBND Thái Nguyên, ngày tháng 01 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật Thái Nguyên tại Văn bản số 20.11/CV-VNTH ngày 20/11/2025 và Văn bản số 26.12/CV-VNTN ngày 26/12/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 859/TTr-SNNMT ngày 30/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bất động sản Việt Nhật - Thái Nguyên, địa chỉ tại Khu dân cư đường Việt Bắc, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trung tâm thương mại Việt Nhật - Thái Nguyên tại lô đất HH-01 thuộc Khu dân cư số 1 đường Việt Bắc, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung về cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm thương mại Việt Nhật Thái Nguyên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô đất HH-01 thuộc Khu dân cư số 1 đường Việt Bắc, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 4601543738 được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (nay là Sở Tài chính) cấp, đăng lý lần đầu ngày 22/8/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/5/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 7866780338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (nay là Sở Tài chính) cấp, chứng nhận lần đầu ngày 08/01/2020; chứng nhận thay đổi lần 01 ngày 24/3/2021.

1.4. Mã số thuế: 4601543738.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm thương mại, siêu thị; cho thuê cửa hàng, ki - ốt, văn phòng và mặt bằng cho các hoạt động thương mại, bao gồm siêu thị kinh doanh tổng hợp và siêu thị chuyên doanh, cửa hàng bán hàng có thương hiệu, cửa hàng đồ ăn và đồ uống, nhà hàng, cửa hàng đồ ăn nhanh, rạp chiếu phim, trung tâm giải trí, khu vui chơi.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở

- Diện tích sử dụng đất: 24.089m²

- Nhóm dự án: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô hạng mục công trình: Toà nhà trung tâm thương mại, siêu thị gồm 3 tầng và 2 tầng lửng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật Thái Nguyên được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật Thái Nguyên có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND phường Tích Lương và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- UBND phường Tích Lương;
- Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Manhpn/01/26_MC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực bếp của các nhà hàng.
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực làm bánh.
- Nguồn số 04: Nước xả cặn tháp giải nhiệt.
- Nguồn số 05: Nước xả cặn, vệ sinh bể nước cấp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải (XLNT) công suất 230m³/ngày tự chảy qua đường ống uPVC D90 vào bể khử trùng; nước thải từ bể khử trùng được bơm vào đường ống uPVC DN100, tổng chiều dài 110m vào hố ga nằm trên hệ thống thu gom nước thải của khu dân cư số 1 đường Việt Bắc sau đó chảy ra suối Loàng và chảy ra sông Cầu.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải của Khu dân cư số 1 đường Việt Bắc, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰30', múi chiều 3⁰): X = 2386305; Y = 431023.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 230m³/ngày.đêm (khoảng 9,58m³/giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau xử lý tại trạm XLNT công suất 230m³/ngày tự chảy qua đường ống uPVC D90 vào bể khử trùng; nước thải từ bể khử trùng được bơm vào đường ống uPVC DN100, tổng chiều dài 110m vào hố ga nằm trên hệ thống thu gom nước thải của khu dân cư số 1 đường Việt Bắc sau đó chảy ra suối Loàng và chảy ra sông Cầu.

- Phương thức xả: Bơm cưỡng bức; xả vào hố ga nằm trên hệ thống thu gom nước thải của khu dân cư số 1 đường Việt Bắc.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 2, Cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định
2	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20 °C)	mg/l	≤ 30		
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 80		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 50		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/l	≤ 6,0		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 25		
7	Tổng Phốt pho (T-P) (nguồn nước tiếp nhận khác)	mg/l	≤ 4		
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤ 3 000		
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,2		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 10		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 3,0		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Công trình thu gom nước thải

- Tuyến đường ống nhựa uPVC DN50, DN80, DN100 thu nước thải xám từ các nhà vệ sinh đầu nổi vào tuyến ống gang DN150 dài khoảng 250m dẫn nước thải về trạm XLNT.

- Tuyến đường ống nhựa uPVC D100, D125 thu nước thải đen từ các nhà vệ sinh về 03 bể tự hoại. Nước thải sau xử lý sơ bộ tại 03 bể tự hoại đầu nổi vào tuyến ống gang DN150 dài khoảng 250m dẫn nước thải về trạm XLNT.

- Tuyến đường ống nhựa uPVC DN50, DN80, DN100 thu nước thải từ khu vực bếp của các nhà hàng về 02 bể tách mỡ. Nước thải sau xử lý sơ bộ tại 02 bể tách mỡ đầu nổi vào trạm XLNT bằng ống gang DN150, dài 1m.

- Tuyến đường ống nhựa uPVC DN50, DN100 thu nước thải từ khu vực làm bánh về 02 bể tách bột. Nước thải sau xử lý sơ bộ tại 02 bể tách bột đầu nổi vào trạm XLNT bằng ống gang DN150, dài 1m.

- Tuyến đường ống nhựa uPVC DN100 thu nước phát sinh từ hoạt động xả cặn tháp giải nhiệt, nước xả cặn bể nước sạch đầu nổi vào tuyến ống gang DN150 dài khoảng 250m dẫn nước thải về trạm XLNT.

(Tuyến ống gang DN150 dài khoảng 250m dẫn chung nước thải xám từ các nhà vệ sinh; nước thải sau xử lý sơ bộ tại 03 bể tự hoại; nước từ hoạt động xả cặn tháp giải nhiệt và nước xả cặn bể nước sạch về trạm XLNT).

- Đường ống dẫn nước thải từ trạm XLNT ra điểm xả thải (hồ ga nằm trên hệ thống thu gom nước thải của khu dân cư số 1 đường Việt Bắc) bằng đường ống uPVC DN100, tổng chiều dài 110m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý sơ bộ gồm: 03 bể tự hoại tổng dung tích 107m^3 (01 bể 56m^3 ; 01 bể 27m^3 và 01 bể 24m^3); 02 bể tách mỡ, dung tích $10\text{m}^3/\text{bể}$; 02 bể tách bột, dung tích $10\text{m}^3/\text{bể}$.

- Công trình lưu chứa nước thải: 01 trạm xử lý công suất $230\text{m}^3/\text{ngày}$.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại; nước thải từ khu vực bếp của các nhà hàng sau xử lý sơ bộ qua 02 bể tách mỡ; nước thải từ khu vực làm bánh sau xử lý sơ bộ qua 02 bể tách bột, nước xả cặn tháp giải nhiệt và nước xả cặn bể nước sạch → Hệ thống ống thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể hiếu khí bậc 2 → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, Bảng 2) → Hồ ga hồ ga nằm trên hệ thống thu gom nước thải của khu dân cư số 1 đường Việt Bắc sau đó chảy ra suối Loàng và chảy ra sông Cầu.

- Máy móc thiết bị: Danh mục máy móc, thiết bị trong bảng dưới đây, trong đó các máy bơm, máy khuấy, máy thổi khí hoạt động theo chế độ luân phiên đảm bảo duy trì vận hành hoạt động của trạm xử lý nước thải liên tục.

TT	Tên công trình	Thông số kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
1	Bể điều hòa	- Thể tích 55m^3 ; - Kích thước: (5,1x5,6x1,9)m.	02 bơm nước thải 12- $15\text{m}^3/\text{giờ}$ (0,75kW). Đĩa phân phối khí thô; phao báo mức điều khiển
2	Bể thiếu khí	- Thể tích 35m^3 ; - Kích thước: (5,1x2,6x2,6)m.	02 máy khuấy chìm (0,75kW)
3	Bể MBBR	- Thể tích 33m^3 ; - Kích thước: (4,9x2,6x2,6)m.	01 hệ thống đĩa phân phối khí tinh; đệm vi sinh MBBR
4	Bể hiếu khí	- Thể tích 71m^3 ; - Kích thước: (4,9x5,6x2,6)m.	- 02 bơm nước thải 12- $15\text{m}^3/\text{giờ}$ (0,75kW). - 01 hệ thống đĩa phân phối khí tinh; - 02 máy thổi khí $6\text{m}^3/\text{giờ}$ (7,5kW) cấp khí cho cả bể MBBR và bể điều hòa.
5	Bể lắng	- Thể tích 43m^3 ; - Kích thước: (4,1x4,1x2,6)m.	02 bơm tuần hoàn bùn 12- $15\text{m}^3/\text{giờ}$ (0,75kW).

6	Bể khử trùng	- Thể tích 18m ³ ; - Kích thước: (1,6x4,15x2,6)m	02 bơm nước thải 12-15m ³ /giờ (0,75kW).
7	Bể chứa bùn	- Thể tích 15m ³ ; - Kích thước: (2,1x2,65x2,6)	-
8	Hệ thống phụ trợ	02 bồn chứa hóa chất	02 bơm định lượng 100 lít/giờ (0,3kW); 01 máy khuấy hóa chất (0,4kW)
9	Tháp xử lý khí mùi	01 tháp hấp thụ kích thước DxH = (1.400x800)m	01 quạt hút 2.000m ³ /giờ (1,5kW); 01 bơm hấp thụ 18m ³ /giờ (0,25kW).

- Hóa chất sử dụng/tháng gồm: Khoảng 34,5kg Ca(OCl)₂/tháng; chất khử bọt nước thải 20kg/tháng; vi sinh bào tử IND 8kg/tháng và vi sinh bào tử N1 8kg/tháng được bổ sung trực tiếp.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Trung tâm thương mại Việt Nhật Thái Nguyên không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và mục 3 Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Nguy cơ sự cố

Sự cố Trạm XLNT chủ yếu là sự cố thiết bị, sự cố rò rỉ, tắc đường ống thu gom nước thải, sự cố quá tải, non tải,...

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa

- Đối với sự cố hỏng thiết bị trạm XLNT: Tuân thủ quy trình vận hành và bảo dưỡng máy móc, thiết bị; thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc, thiết bị để kịp thời phòng ngừa, phát hiện, sửa chữa sự cố hỏng hóc; tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống thu gom nước thải kịp thời phát hiện các nguy cơ sự cố rò rỉ, tắc đường ống để khắc phục, xử lý.

- Đối với sự cố quá tải: Trạm XLNT được thiết kế với hệ số an toàn là 1,4 để phòng ngừa việc quá tải.

- Đối với sự cố non tải: Lắp đặt bơm hồi lưu nước thải từ bể lắng về bể xử lý yếm khí; bổ sung cơ chất và chất dinh dưỡng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý trong trường hợp lưu lượng nước thải phát sinh dưới 50% công suất thiết kế của trạm XLNT.

1.4.3. Biện pháp ứng phó sự cố

- Đối với sự cố hỏng thiết bị trạm XLNT: Vận hành luân phiên máy móc, thiết bị của trạm XLNT; kịp thời sửa chữa, thay thế các thiết bị bị sự cố, hư hỏng đảm bảo luôn có thiết bị dự phòng, hoạt động luân phiên.

- Đối với sự cố tắc, rò rỉ đường ống: Thực hiện thông tắc các đoạn đường ống bị tắc đảm bảo nước thải được dẫn về trạm XLNT; thay thế ngay các đoạn đường ống bị rò rỉ để đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải phát sinh về trạm XLNT.

- Đối với sự cố non tải: Bơm hồi lưu nước thải từ bể lắng về bể xử lý yếm khí; bổ sung cơ chất và chất dinh dưỡng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý trong trường hợp lưu lượng nước thải phát sinh dưới 50% công suất thiết kế của trạm XLNT.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Trung tâm thương mại Việt Nhật Thái Nguyên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Giấy phép số 1059/GP-UBND ngày 09/4/2021. Căn cứ quy định khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, trạm XLNT của Trung tâm thương mại Việt Nhật Thái Nguyên không thuộc đối tượng thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của dự án đảm bảo đáp ứng QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 2, Cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu dân cư số 1 đường Việt Bắc. Tuyệt đối không được đầu nối, xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa; tuyệt đối không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

3.2. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành trạm XLNT; ghi chép, lưu giữ đầy đủ số liệu, dữ liệu theo quy định.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để vận hành thường xuyên, liên tục đảm bảo hiệu quả xử lý của trạm XLNT.

3.5. Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải để tự theo dõi, kiểm soát được các thông số ô nhiễm môi trường trong nước thải; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả nước thải và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Hệ thống xử lý khí mùi của trạm XLNT không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường theo quy định nhưng phải thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Mạng lưới thu gom, thoát hơi khí, mùi hôi từ trạm XLNT: Hơi khí, mùi hôi từ các bể của trạm XLNT được thu gom vào đường ống nhựa uPVC DN150, dài 85m dẫn dòng hơi khí, mùi hôi về hệ thống xử lý mùi và ống thoát hơi khí từ hệ thống xử lý mùi bằng ống D140, cao 18m (tính từ mặt đất).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

Gồm 01 tháp xử lý khí mùi của trạm XLNT, công suất thiết kế $2.000\text{m}^3/\text{giờ}$.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi khí, mùi hôi từ trạm XLNT → Đường ống thu hơi khí, mùi hôi bằng ống uPVC DN150 → Quạt hút $2.000\text{m}^3/\text{giờ}$ (1,5kW) → Tháp xử lý khí mùi, kích thước (1.400x800)mm, đáy tháp bố trí 01 bồn chứa dung dịch thể tích khoảng $0,4\text{m}^3$; sử dụng dung dịch hấp thụ là hỗn hợp muối Na_2CO_3 và NaOH → Ống thoát khí D140, cao 18m (tính từ mặt đất).

- Thiết bị của tháp xử lý khí mùi của trạm XLNT gồm: 01 quạt hút lưu lượng khí $2.000\text{m}^3/\text{giờ}$ (1,5kW); 01 bơm dung dịch hấp thụ $18\text{m}^3/\text{giờ}$ (250W).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch hỗn hợp muối Na_2CO_3 và NaOH 10kg/tháng.

2. Công trình, biện pháp, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT

- Tuân thủ quy trình vận hành máy móc, thiết bị của tháp xử lý khí mùi trạm XLNT; tập huấn cho nhân viên vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị của tháp xử lý khí mùi.

- Chủ dự án sẽ bố trí quạt hút dự phòng của tháp xử lý khí mùi trạm XLNT; khi xảy ra sự cố đối với quạt hút của tháp xử lý khí mùi trạm XLNT sẽ thay thế quạt hút dự phòng nhằm đảm bảo vận hành; sửa chữa quạt hút bị sự cố đảm bảo luôn có 01 quạt hút dự phòng để đảm bảo vận hành liên tục tháp xử lý khí mùi trạm XLNT; định kỳ kiểm tra hàng tuần kiểm tra nồng độ dung dịch hấp thụ nhằm kịp thời bổ sung dung dịch hấp thụ để đảm bảo hiệu quả xử lý khí mùi.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Gồm 04 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

STT	Nguồn phát sinh	Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung
1	Nguồn số 01	Máy phát điện dự phòng số 1
2	Nguồn số 02	Máy phát điện dự phòng số 2
3	Nguồn số 03	Máy thổi khí của trạm XLNT
4	Nguồn số 04	Từ các quạt hút mùi, quạt thông gió, tháp giải nhiệt

2. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT -Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (đến hết 31/12/2026), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (6h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến 6h00)
Khu vực D	65	60	55

+ Độ rung:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Ngày (6h00 ~ trước 22h00)	Tối (22h00 ~ trước 6h00)
Khu vực C	70	65

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải có bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	60
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	70
3	Pin/ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	10
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	150
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	80
6	Muối và dung dịch muối thải	Lỏng	02 03 05	7.200
Tổng khối lượng phát sinh				7.570

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng phát sinh khoảng 945kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm thức ăn thừa, rau củ quả thải bỏ hàng ngày, giấy vụn, túi nilon, bao bì nhựa, vỏ chai hộp thải.

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	10
2	Bùn thải từ trạm XLNT, bể tự hoại, bể tách mỡ, bể tách bột	Rắn/bùn	12 06 13	133.200
3	Chất thải rắn thông thường có thể tái chế	Rắn	-	4.720
Tổng khối lượng phát sinh				137.930

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt, chất thải thông thường

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã chất thải nguy hại, kí hiệu và tên từng loại chất thải nguy hại...).

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho lưu chứa các chất thải nguy hại diện tích 11m². Kho được thiết kế, cấu tạo đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định...).

- Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng, đủ năng lực để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy lắp đặt tại khu vực sân đường nội bộ bên ngoài và hạng mục công cộng, hành lang trong trung tâm thương mại.

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt 18,24m². Kho lưu chứa có nền bê tông, mái che; bố trí 15 thùng xe đẩy rác, dung tích 500 lít/xe.

- Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng, đủ năng lực để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Sau khi được thu gom, phân loại chất thải sinh hoạt và chất thải thông thường; chất thải thông thường đóng vào từng bao tải xếp gọn vào kho chứa rác.

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho rác thông thường diện tích 12 m², kho được bố trí tường bao quanh xây bằng gạch, có mái che kín, bố trí cửa khóa, cửa gắn biển tên, nền kho lát gạch đá

- Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển chất thải thông thường, bùn thải phát sinh từ trạm XLNT, bể tự hoại, bể tách mỡ, bể tách bột theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng và ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải; Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố chất thải được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; thực hiện công khai kế hoạch ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, chuẩn bị ứng phó, tổ chức ứng phó và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy, chữa cháy, lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

4. Chịu trách nhiệm xử lý triệt để các vấn đề ô nhiễm môi trường sau khi xảy ra sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố chất thải và các sự cố khác (nếu có).

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; cung cấp thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thực hiện, tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp; trước khi hết thời hạn giấy phép 06 tháng, phải lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định tại mục 6 khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Khi trạm xử lý nước thải phục vụ các khu dân cư đường Việt Bắc hoàn thành phải thỏa thuận, thống nhất với đơn vị được giao quản lý trạm xử lý nước thải phục vụ các khu dân cư đường Việt Bắc trong việc thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ Trung tâm thương mại Việt Nhật Thái Nguyên.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.